

11/11/17 *dl*



CTY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG & PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ
TP. HỒ CHÍ MINH (FIDECO)
28 PHÙNG KHẮC KHOAN, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH,
VIETNAM

ĐT: 38221043 - 38230562 - FAX: 84.38225241



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số... 33855
Giờ... Ngày 22 tháng 11 năm 2010

Kle T. Ang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2010



09/2010

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") và Công ty con, dưới đây gọi là Tập đoàn, cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty đang tại chức đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hữu Chinh	: Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Dũng	: Ủy viên
Ông Võ Tấn Phong	: Ủy viên
Ông Lê Trí Vinh	: Ủy viên
Bà Đỗ Lê Hồng Châu	: Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hữu Chinh	: Tổng Giám đốc
Ông Mai Ngọc Yến	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đăng Tiến	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trí Vinh	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hậu	: Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Văng Thị Ngọc Phương	: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Xuân Thu	: Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Minh	: Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Bằng Nguyên	: Kế toán trưởng
------------------------	------------------

2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 1489/GP-UB ngày 23 tháng 12 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 ngày 27 tháng 12 năm 1993 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 số 059081 ngày 03 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Trụ sở chính của Công ty: 28 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:

- Liên doanh hợp tác đầu tư, xây dựng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.
- Chế biến hàng xuất khẩu: nông sản; phương tiện vận tải các loại; nguyên liệu, vật liệu; thiết bị máy móc các ngành dệt, nhựa, hoá chất, xây dựng; hàng kim khí điện, điện gia dụng.
- Chế tác đá quý theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Xây dựng dân dụng.
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 điều 10 của Luật Kinh doanh Bất động sản).
- Sản xuất, gia công giày dép, quần áo.
- Chế biến hàng nông sản.
- Đào tạo: dạy nghề, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, quản trị ứng dụng trong doanh nghiệp.
- Sản xuất lương thực, thực phẩm (không sản xuất tại trụ sở).
- Nhập khẩu, xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu: thủy hải sản, nông sản, lương thực, thực phẩm (trừ gạo, đường mía, đường củ cải), đồ gỗ, các sản phẩm từ sữa.

Công ty nắm quyền kiểm soát toàn bộ:

- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Lương thực Phước An, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4604000010 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/11/2005, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bột mì, mua bán lương thực thực phẩm nên được xem là Công ty con do Công ty sở hữu toàn bộ.
- Công ty TNHH một thành viên Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Địa Ốc Châu Lục, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305106843 do Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp ngày 03/09/2009, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng, mua bán vật liệu xây dựng nên được xem là Công ty con do Công ty sở hữu toàn bộ.

Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Khu Công nghiệp Chơn Thành từ việc mua lại phần vốn cổ phần của các cổ đông sáng lập trong công ty này. Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Tp Hồ Chí Minh theo giấy đăng ký kinh doanh số 4403000008 ngày 11 tháng 6 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp là 65.25%, tỷ lệ theo vốn thực góp là 84.59%.

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THỜI KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/07/2010 ĐẾN NGÀY 30/09/2010

- Lãi (lỗ) sau thuế TNDN:	18.483.071.339 VNĐ
Trong đó, Lợi ích cổ đông thiểu số	(45.222.979) VNĐ
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ	18.528.294.318 VNĐ

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

4. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁC

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059081 thay đổi lần thứ 22 ngày 03 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 157.273.080.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm 30/09/2010: **157.273.080.000 VND**

5. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TPHCM, ngày 18 tháng 11 năm 2010
Tổng Giám đốc

TS. Trần Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		370,108,030,900	381,569,336,750
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,869,248,747	12,676,347,297
1. Tiền	111		6,869,248,747	12,676,347,297
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	5,350,726,602	9,728,396,680
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17,854,778,808	21,192,880,786
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12,504,052,206)	(11,464,484,106)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	139,558,935,683	116,676,854,515
1. Phải thu khách hàng	131		70,521,905,004	27,947,107,758
2. Trả trước cho người bán	132		40,188,749,860	58,420,694,377
3. Các khoản phải thu khác	135		31,487,999,790	32,948,771,351
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,639,718,971)	(2,639,718,971)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	210,022,187,653	236,976,931,223
1. Hàng tồn kho	141		210,022,187,653	236,976,931,223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	8,306,932,215	5,510,807,035
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,096,962,214	2,997,314,456
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		126,211,564	529,151,480
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		4,346,844,736	878,186,590
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,736,913,701	1,106,154,509
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		422,499,081,897	389,280,660,016
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
II. Tài sản cố định	220		62,547,521,680	44,179,446,355
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.1	36,348,511,003	13,310,575,172
- Nguyên giá	222		48,882,622,807	24,425,291,009
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12,534,111,804)	(11,114,715,837)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6.2	26,058,510,677	26,064,300,674
- Nguyên giá	228		26,101,454,000	26,101,454,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42,943,323)	(37,153,326)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	140,500,000	4,804,570,509

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
III. Bất động sản đầu tư	240	V.6.3	183,728,433,359	182,981,792,029
- Nguyên giá	241		202,922,782,109	197,817,335,224
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19,194,348,750)	(14,835,543,195)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	170,236,757,747	155,963,694,904
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		84,374,137,747	82,363,559,704
2. Đầu tư dài hạn khác	258		106,363,620,000	86,355,730,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259		(20,501,000,000)	(12,755,594,800)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,986,369,111	6,155,726,728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	4,270,557,851	4,338,985,394
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4. Lợi thế thương mại	269		1,715,811,260	1,816,741,334
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		792,607,112,797	770,849,996,766

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		491,593,044,317	499,354,013,808
I. Nợ phải trả	310		324,040,365,337	311,521,666,355
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	119,430,826,330	91,001,375,855
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	22,006,418,688	17,351,947,436
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	24,649,519,751	32,325,203,582
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	9,672,879,588	13,815,164,802
5. Phải trả công nhân viên	315	V.11	2,602,743,816	784,408,811
6. Chi phí phải trả	316	V.11	3,888,339,510	3,294,538,878
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	140,646,530,644	155,809,375,207
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,143,107,010	(2,860,348,216)
II. Nợ dài hạn	330		167,552,678,980	187,832,347,453
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	144,439,049,834	169,459,377,298
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		297,523,609	274,862,329
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		22,816,105,537	18,098,107,826
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		298,831,668,436	269,343,245,422
I. Nguồn vốn, quỹ	410	V.13	298,831,668,436	269,343,245,422
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		157,273,080,000	142,976,990,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		73,850,640,000	73,850,640,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2,500,000,000)	-
5. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		4,212,366,689	1,765,628,904
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		6,640,131,235	4,134,847,463
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		59,355,450,512	46,615,139,055
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2,182,400,044	2,152,737,536
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2,182,400,044	2,152,737,536
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		792,607,112,797	770,849,996,766

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYỄN



TS. TRẦN HỮU CHINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	202,217,762,660	130,137,582,119	540,724,702,547	329,057,630,393
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-	-	-	86,580
3. Doanh thu thuần	10	VI.1	202,217,762,660	130,137,582,119	540,724,702,547	329,057,543,813
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	158,051,775,561	90,357,017,930	398,219,455,817	232,470,001,428
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		44,165,987,099	39,780,564,189	142,505,246,730	96,587,542,385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,780,681,646	1,965,242,451	6,222,324,084	7,125,202,119
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,525,245,784	9,834,981,393	37,974,827,718	23,006,156,470
8. Chi phí bán hàng	24		3,593,873,199	1,115,314,452	9,705,746,178	4,318,352,152
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,772,157,022	10,364,379,080	31,470,525,254	29,238,877,093
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		23,055,392,740	20,431,131,715	69,576,471,664	47,149,358,789
11. Thu nhập khác	31		375,920,382	19,821,207,699	644,924,026	19,922,728,464
12. Chi phí khác	32		125,869,086	33,054,855	145,763,687	33,409,162
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		250,051,296	19,788,152,844	499,160,339	19,889,319,302
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	33		1,256,777,476	1,128,187,431	3,323,704,481	5,151,163,744
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24,562,221,512	41,347,471,990	73,399,336,484	72,189,841,835
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	6,079,150,173	7,209,703,193	17,597,804,909	11,366,162,485
17. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=51-52)	60		18,483,071,339	34,137,768,797	55,801,531,575	60,823,679,350
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(45,222,979)	(15,699,763)	29,662,507	(63,108,173)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		18,528,294,318	34,153,468,561	55,771,869,068	60,886,787,524
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1,178	2,389	3,775	4,591

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYỄN

TP HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám Đốc



TS. TRẦN HỮU CHINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	73,399,336,484	72,189,841,835
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	5,893,698,551	6,963,018,336
- Các khoản dự phòng	03	8,874,973,300	(3,915,869,882)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,221,556,562)	(4,328,464,128)
- Chi phí lãi vay	06	20,719,420,467	16,500,424,413
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận trước thuế do hợp nhất		3,323,704,481	(4,328,620,060)
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	110,989,576,721	83,080,330,515
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(61,787,514,362)	(3,268,106,065)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	26,954,743,570	64,117,138,806
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9,901,900,768	(48,405,373,001)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	828,279,785	555,434,290
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20,643,799,467)	(16,500,424,413)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21,781,281,139)	(6,578,802,679)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	19,227,428,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4,388,875,376)	(4,313,075,939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	40,073,030,500	87,914,549,514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(12,847,616,661)	(11,214,761,600)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	90,000,000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	2,800,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(21,855,492,962)	(72,659,830,918)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	900,000,000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,221,556,562	4,517,184,652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32,491,553,061)	(77,557,407,866)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	-	1,000,000,000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phần của DN	32	(2,500,000,000)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	351,212,878,272	495,940,748,314
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(347,803,755,261)	(471,415,824,047)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14,297,699,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13,388,575,989)	25,524,924,267
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5,807,098,550)	35,882,065,915
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12,676,347,297	7,246,262,327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,869,248,747	43,128,328,242

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYÊN

TP.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2010
Tổng Giám đốc
TS. TRẦN HỮU CHINH

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, kinh doanh xuất nhập khẩu, hợp tác đầu tư xây dựng, tư vấn quản trị và du học, đào tạo, xây dựng dân dụng, kinh doanh bất động sản.

Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn

Tổng số các công ty con

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 3 đơn vị

Công ty TNHH Sản xuất Kinh Doanh Lương thực Phước An

Địa chỉ: Ấp 1B, xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất bột mì; mua bán lương thực, thực phẩm.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 18.000.000.000 đồng

Công ty Cổ phần ĐTXD CSHT KCN Chơn Thành

Địa chỉ: Thành Tâm, Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Ngành nghề kinh doanh: xây dựng CSHT khu công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng...

Tỉ lệ phần sở hữu: 65,25%

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 11.800.000.000 đồng

Công ty TNHH MTV Ngoại Thương Và Phát Triển Đầu Tư Địa Ốc Châu Lục (FIDECOLAND)

Địa chỉ: Lầu 3, số 28 Phùng Khắc Khoan, P. ĐaKao, Quận 1, TP. HCM

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng, mua bán VLXD...

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng

Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo Tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Hải Việt

Địa chỉ: 167/10 đường 30 tháng 4, Thành phố Vũng Tàu

Tỉ lệ phần sở hữu: 26.45%

Công ty QTUD-CNTT A.M.I.T

Địa chỉ: Khối nhà A, Lầu 1, 28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP. HCM

Tỉ lệ phần sở hữu: 50%

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

Công ty TNHH Phát Triển Đô Thị Đông Bình Dương
Địa chỉ: Lầu M, Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TPHCM.
Tỉ lệ phần sở hữu: 30%

II NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Công ty mẹ

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty con

Niên độ kế toán của Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 Năm 2006 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và Chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán

Chứng từ ghi sổ

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Tập đoàn và Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con. Kết quả hoạt động của công ty con được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đó.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

2 Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: dựa vào đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

4 Chính sách kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất, cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5 Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Thời gian hữu dụng bình quân ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Trang thiết bị văn phòng	6 - 8

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản dở dang và thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng.

7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản phải đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính: 25-40 năm

8 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

9 Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường phi tập trung và trên sàn giao dịch chứng khoán tập trung.

10 Kế toán các hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết

Báo cáo tài chính của Tập đoàn phản ánh khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

11 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

12 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

13 Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về giá vốn chuyển nhượng cơ sở hạ tầng và các căn hộ đã bán.

14 Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Phản ánh các khoản chi phí tiền thuê, sửa chữa văn phòng, công cụ dụng cụ ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 1 đến 3 năm hoặc thời hạn của hợp đồng thuê.

15 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện khoản phát sinh từ việc mua các công ty con và công ty liên kết, là khoản khác biệt giữa số tiền phải thanh toán cho việc mua công ty con và công ty liên kết và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của các công ty này.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty được ghi nhận ngay vào báo cáo lãi lỗ hoặc khấu hao trong vòng tối đa 10 năm. Nếu số tiền phải thanh toán cho việc mua các công ty con và công ty liên kết ít hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của các công ty này, thì khoản chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

16 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận cổ tức: căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm được thông qua, và được ghi nhận như khoản phải trả.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

- Quỹ dự phòng tài chính: được trích không vượt quá 5% lợi nhuận ròng với giới hạn tích lũy tối đa không quá 10% vào vốn điều lệ của Công ty
- Số lợi nhuận ròng còn lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, phần còn lại sẽ được trích lập các quỹ và phân chia cổ tức theo quyết định của HĐQT, và được trình đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hóa thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền và chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Các khoản mục thuế thể hiện trên báo cáo tài chính là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán thuế và khoản dự trừ thuế sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Các số liệu được thể hiện bằng Việt Nam đồng trừ trường hợp có thuyết minh khác

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	1,538,336,047	1,513,509,479
Tiền gửi Ngân hàng	5,330,912,700	11,162,837,818
Tổng cộng	6,869,248,747	12,676,347,297

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	17,854,778,808	21,192,880,786

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	17,854,778,808	21,192,880,786
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	(12,504,052,206)	(11,464,484,106)
Tổng cộng	5,350,726,602	9,728,396,680

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	70,521,905,004	27,947,107,758
Khách hàng nước ngoài	29,271,033,680	4,248,467,197
Khách hàng trong nước	41,250,871,324	23,698,640,561
Trả trước cho người bán	40,188,749,860	58,420,694,377
Khách hàng nước ngoài	12,069,789,900	9,190,427,951
Khách hàng trong nước	28,118,959,960	49,230,266,426
Phải thu khác	31,487,999,790	32,948,771,351
Khoản tạm vay - Nguyễn Thị Thanh Vân	8,100,000,000	8,100,000,000
Công ty TNHH Côn Đảo	805,155,850	805,155,850
XN Highland Dragon	1,735,707,000	1,704,395,000
Công ty Xây dựng Tuần Châu	2,150,000,000	2,180,000,000
Khoản đặt cọc mua căn hộ Thảo Điền	4,632,806,111	6,320,155,683
Công ty TNHH Hải Thanh	3,483,861,026	3,894,344,623
Công ty phát triển nhà quận 2	3,639,250,000	3,639,250,000
Công ty TNHH Thiên Hỷ	1,397,923,370	1,264,840,500
Phải thu cổ tức	852,409,050	891,679,650
Cty CP Nông Hải Súc Sản SG	3,000,000,000	3,000,000,000
Các khoản khác	1,690,887,383	1,148,950,045
Tổng các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	142,198,654,654	119,316,573,486
Dự phòng phải thu khó đòi	(2,639,718,971)	(2,639,718,971)
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	139,558,935,683	116,676,854,515

4 Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	41,199,185,793	36,465,779,331
Công cụ, dụng cụ trong kho	405,882,396	510,958,998
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	162,238,541,276	193,351,954,746
<i>Dự án chung cư cao cấp Thảo Điền (1)</i>	<i>11,983,797,456</i>	<i>11,983,797,456</i>
<i>Dự án khu dân cư Đông Bình Dương (2)</i>	<i>52,579,992,073</i>	<i>52,579,992,073</i>
<i>Dự án khu dân cư Bình Trưng Đông (3)</i>	<i>41,699,761,628</i>	<i>41,699,761,628</i>
<i>Dự án Cần Giờ (4)</i>	<i>59,510,290,968</i>	<i>59,510,290,968</i>
<i>Khu công nghiệp Chợ Thành (5)*</i>	<i>26,627,284,621</i>	<i>26,627,284,621</i>
<i>Dự án Sài Gòn - Mangden (6)</i>	<i>950,828,000</i>	<i>950,828,000</i>
Thành phẩm tồn kho	4,851,294,277	4,422,859,836

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

Hàng hóa tồn kho	1,327,283,911	2,225,378,312
Giá gốc của hàng hóa tồn kho	210,022,187,653	236,976,931,223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.	210,022,187,653	236,976,931,223

(1): Theo quyết định số 643/QĐ-UB của UBND TP. HCM cho phép Công ty Fideco được chuyển mục đích sử dụng khu đất xây dựng siêu thị tại phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM sang xây dựng chung cư cao tầng kết hợp thương mại cao cấp trên diện tích 3.174 m², thuê đất trong vòng 50 năm kể từ ngày 16/10/1998.

Dự án đã được quyết toán hoàn thành, giá trị còn lại là giá trị xây dựng các khu sinh hoạt cộng đồng và một số căn hộ dùng cho mục đích công cộng hoặc cho thuê.

(2): Dự án xây dựng khu dân cư thương mại dịch vụ Đông Bình Dương được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận cho Công ty đầu tư trên tổng diện tích quy hoạch khoảng 126,7 ha thuộc xã Tân Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, theo công văn số 259/UB-SX ngày 19 tháng 01 năm 2004.

Ngày 20 tháng 7 năm 2006, Fideco ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty Onshine Investments Limited cùng tham gia hợp tác để đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án trên bằng việc cùng tham gia thành lập một doanh nghiệp dưới hình thức một Công ty liên doanh theo pháp luật Việt Nam.

Theo hợp đồng liên doanh ký kết vào tháng 12 năm 2007 giữa Fideco và Onshine Investments Limited, một công ty liên doanh được thành lập để thực hiện dự án là Công ty TNHH Phát triển Đô thị Đông Bình Dương, đặt tại huyện Dĩ An, Bình Dương. Fideco góp 30% vốn điều lệ bằng giá trị quyền sử dụng đất dự án 94,706 hecta tương đương 2.607.237 USD và 3.158.315 USD bằng tiền. Bên Onshine sẽ góp 70% vốn điều lệ bằng tiền.

Đến nay, Fideco đã hoàn tất việc chuyển giao quyền sử dụng khu đất sang cho Công ty TNHH Phát triển Đô thị Đông Bình Dương theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí còn lại của dự án bao gồm chủ yếu là tiền thu sử dụng đất, chi đền bù cho các hộ dân và chi phí lãi vay cho diện tích đất còn lại.

(3): Dự án xây dựng khu dân cư trên 154 ha đất Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. HCM bao gồm 14 đơn vị tham gia (trong đó có Fideco), và do Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận làm chủ đầu tư.

Ngày 12 tháng 11 năm 2001, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 7446/QĐ-UB giao Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận 1.369.645 m² đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bình Trưng Đông.

Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận thỏa thuận: Công ty sẽ đóng góp kinh phí để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư Bình Trưng Đông, theo đó Công ty sẽ được quyền sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính trong quá trình thi công nối kết với hệ thống kỹ thuật nội bộ của dự án thành phần và khai thác sau này. Tổng kinh phí đóng góp của Công ty gồm: kinh phí đóng góp để tự thỏa thuận bồi thường cho dân thu hồi đất phục vụ cho công trình công cộng, công viên cây xanh và công trình giao thông; kinh phí đóng góp để đầu tư xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

(4): Là dự án liên doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) để xây dựng khu dân cư tại huyện Cần Giờ. Tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 50%. Đến thời điểm hiện nay, chi phí của dự án là các chi phí đền bù, chi phí lãi vay và các chi phí ban đầu của dự án.

(5): Dự án đầu tư vào khu công nghiệp Chơn Thành do Công ty CP ĐT Xây dựng CSHT KCN Chơn Thành (Công ty con) làm chủ đầu tư.

(6): Chi phí xây dựng khu biệt thự sinh thái Sài Gòn - Măng đen tại huyện Kong Plong, tỉnh Kontum.

5 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2,096,962,214	2,997,314,456
Thuế GTGT được khấu trừ	126,211,564	529,151,480
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	4,346,844,736	878,186,590
Tài sản ngắn hạn khác	1,736,913,701	1,106,154,509
Tổng cộng	<u>8,306,932,215</u>	<u>5,510,807,035</u>

6 Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình: Thuyết minh tại trang 29

6.2 Tài sản cố định vô hình: Thuyết minh tại trang 30

6.3 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là khu nhà văn phòng làm việc 28 Phùng Khắc Khoan, Quận I, TP. HCM, và tòa nhà Fideco Tower tại số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận I, dùng chủ yếu đầu tư cho thuê. Thời gian khấu hao từ 25 đến 40 năm.

	<u>Số cuối quý</u>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	197,817,335,224
Tăng trong năm	5,105,446,885
Giảm trong năm	-
Số dư cuối kỳ	202,922,782,109
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	17,964,782,239
Khấu hao trong năm	1,229,566,511
Điều chỉnh tăng trong năm	-
Thanh lý	-
Số dư cuối năm	19,194,348,750
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	179,852,552,985
Số dư cuối năm	183,728,433,359

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Silo đáy phẳng (*)	-	4,804,570,509
Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng	140,500,000	-
Tổng cộng	140,500,000	4,804,570,509

(*) Chi phí đầu tư xây dựng dự án 8 Silo đáy phẳng, công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào Công ty liên kết	84,374,137,747	82,363,559,704
Công ty CP Hải Việt (1)	35,063,718,827	32,847,051,096
Trung tâm giáo dục đào tạo & hội thảo quốc tế (FIDES) (2)	2,448,352,962	2,800,750,000
Công ty TNHH Phát Triển Đô Thị Đông Bình Dương (3)	46,862,065,958	46,715,758,608
Đầu tư dài hạn khác	106,363,620,000	86,355,730,000
+ Đầu tư chứng khoán dài hạn	56,364,620,000	47,176,730,000
Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rồng (4)	18,375,780,000	9,187,890,000
NH TMCP Việt Á (5)	37,988,840,000	37,988,840,000
+ Đầu tư dài hạn khác	49,999,000,000	39,179,000,000
Công ty CP XNK Hải Dương (6)	-	900,000,000
Công ty CP Sài Gòn - Mangden	3,300,000,000	3,300,000,000
Công ty CP Chứng khoán Sen Vàng	13,500,000,000	13,500,000,000
Công ty CP Vinasinh	450,000,000	450,000,000
Công ty Fideco - Trắng Bàng (7)	1,200,000,000	480,000,000
Công ty CP Đức Lợi - Fideco (8)	24,674,000,000	18,674,000,000
Công ty CP Đầu tư KCN Hóc Môn (9)	1,875,000,000	1,875,000,000
Công ty LD PT Du lịch QT Phương Hoàng (10)	5,000,000,000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(20,501,000,000)	(12,755,594,800)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	170,236,757,747	155,963,694,904

(1): Khoản góp vốn vào Công ty CP Hải Việt (trước đây là Công ty TNHH Hải Việt), với số vốn góp ban đầu (năm 1998) là 222.847,36 USD tương đương 2.473.605.696 VND. Khoản vốn góp cổ phần vào Công ty Hải Việt đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 25.055.700.000 VND, tỷ lệ sở hữu 26,45%.

(2): Khoản vốn góp vào Trung tâm giáo dục đào tạo & hội thảo quốc tế (FIDES). Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, và hội thảo quốc tế. Tỷ lệ sở hữu 50%.

(3): Khoản vốn góp vào Công ty TNHH Phát Triển Đô Thị Đông Bình Dương, được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 461022000277 ngày 22 tháng 01 năm 2008 do UBND tỉnh Bình Dương cấp, để thực hiện dự án khu dân cư - thương mại - dịch vụ Đông Bình Dương theo thuyết minh mục V.4, khoản 2. Trong đó, Fideco góp 30% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

(4): Khoản tăng trong kỳ do đơn vị thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1

(5): Khoản đầu tư vốn mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á với tư cách là cổ đông chiến lược, theo hợp đồng nguyên tắc phát hành cổ phần tăng vốn năm 2007 số 3742/HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2007 giữa Ngân hàng Việt Á và Fideco, trong đó giá mua là 33.000 đồng/CP, số lượng là 1.000.000 CP, giá trị là 33 tỷ đồng. 50% số lượng cổ phiếu này (500.000 cổ phiếu) sẽ không được chuyển nhượng đến hết năm 2009. Công ty đã lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng cho toàn bộ số lượng cổ phiếu.

(6): Thu hồi vốn góp đối với Công ty CP XNK Hải Dương.

(7), (8), (10): Góp vốn thêm vào các công ty để thực hiện dự án với tư cách là cổ đông sáng lập.

(9): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 41.03.011.598, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 11/11/2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu Tư Khu Công Nghiệp - Đô Thị Hóc Môn là 300 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty TNHH SX KD LT Phước An (Công ty con) là 37,5 tỷ đồng chiếm 12,5% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH SX KD LT Phước An đã góp được 1,875 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 5% so với vốn góp đã đăng ký.

9 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
CP xây dựng Văn phòng 26 Phùng Khắc Khoan (phân bổ 163 tháng), và các chi phí khác		
Số dư đầu kỳ	3,981,457,846	4,149,678,866
Tăng trong kỳ	931,377,333	2,376,469,505
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	642,277,328	2,187,162,977
Số dư cuối kỳ	4,270,557,851	4,338,985,394

10 Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	USD	VND	USD	VND
NH Ngoại Thương VN (1)	2,358,477.58	44,811,074,020	1,589,562.92	28,518,348,347
NH TMCP Hàng hải Việt Nam (2)	484,212	9,200,035,980	20,288	363,987,008
NH TMCP Hàng hải Việt Nam (3)	-	33,500,000,000	-	39,028,000,000
NH XNK Tp.HCM (4)	670,000.00	12,730,000,000	70,500	1,264,840,500
NH TMCP Việt Á (5)	999,985.07	18,999,716,330	-	-
Các cá nhân khác (6)	-	190,000,000	-	4,426,200,000
Tổng cộng	4,512,675.07	119,430,826,330	1,680,350.92	91,001,375,855

(1): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - CN TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0682/TD9/10LD ngày 14/09/2010 để bổ sung vốn kinh doanh với thời hạn cho vay là 3 năm với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

- Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Vietcombank - CN TP. HCM tại thời điểm nhận nợ.

- Tài sản bảo đảm vay vốn: Khu nhà văn phòng 28 Phùng Khắc Khoan, Quận I với giá trị định giá là 5.946.000.000 đồng và 1.837.578 cổ phiếu ghi danh Fideco do Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rồng Bảo Long phát hành trị giá 18.375.780.000 đồng; 1.656.430 cổ phiếu ghi danh Fideco do Công ty CP Hải Việt phát hành trị giá 16.564.300.000 đồng; 1.350.000 cổ phần do Công ty CP Chứng Khoán Sen Vàng phát hành trị giá 13.500.000.000 đồng; 1.575.634 cổ phần NH Việt Á phát hành trị giá 15.756.340.000 đồng.

(2): Chi tiết số dư vay tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam gồm:

* Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/09/FDC-HCM ngày 9/01/2009 để bổ sung vốn kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng (theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn).

- Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Maritime Bank - CN TP. HCM tại thời điểm nhận nợ

- Biện pháp đảm bảo: Thế chấp Quyền sử dụng 19.964m² và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc các thửa số 19, 67 (tờ bản đồ A2) và thửa số 09,43 (tờ bản đồ A3) tại ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị định giá tài sản: 29.000.000.000VND.

(3) Theo Hợp đồng Vay vốn số 01/09/PA-HCM và phụ lục về việc hỗ trợ lãi suất ngày 15/05/2009, số tiền được vay tối đa là 60.000.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng) với lãi suất được quy định theo từng thời kỳ và được ghi trong Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bột mì tại Nhà máy và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển để tại kho của công ty bao gồm: nguyên liệu lúa mì nhập khẩu và bột mì thành phẩm.

(4): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao Dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-200903242 ngày 22/4/2009 để bổ sung vốn kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng (theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn). Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Eximbank tại thời điểm nhận nợ. Cho vay bằng tín chấp.

(5): Khoản vay ngắn hạn của NH TMCP Việt Á theo HĐTD số 977/09/HĐHM-VAB ngày 21/12/2009 và Phụ lục số 02-PL/977/09/HĐHM-VAB. Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Hạn mức tín dụng: 1.000.000 USD và 1.500.000.000 VND với thời hạn sử dụng hạn mức vay là 60 tháng.

Lãi suất vay: được xác định trên từng giấy nhận nợ theo biểu lãi suất do VAB ban hành tại thời điểm nhận nợ.

Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(6): Khoản vay các cá nhân khác để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, lãi suất 0,8%/tháng.

11 Các khoản nợ phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	22,006,418,688	17,351,947,436
Khách hàng nước ngoài	2,133,880,500	2,613,614,919
Khách hàng trong nước	19,872,538,188	14,738,332,517
Người mua trả tiền trước	24,649,519,751	32,325,203,582

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	9,672,879,588	13,815,164,802
Thuế GTGT phải nộp	284,890,303	313,218,689
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	145,108,240	-
Thuế xuất, nhập khẩu	54,214,737	-
Thuế TNDN	9,275,836,526	13,464,999,799
Thuế TNCN	(159,697,247)	36,946,314
Các loại thuế khác	72,527,029	-
Phải trả công nhân viên	2,602,743,816	784,408,811
Chi phí phải trả	3,888,339,510	3,294,538,878
Chi phí giá vốn tạm tính Chung cư cao cấp Thảo Điền	-	59,918,987
Chi phí giá vốn tạm tính cho KCN Chơn Thành (*)	3,767,718,510	3,182,619,891
Chi phí phải trả khác	120,621,000	52,000,000
Phải trả phải nộp khác	140,646,530,644	155,809,375,207
Khoản vay Công ty địa ốc Fidecoland	-	-
Công ty Savico	1,535,960,500	-
Nhận đặt cọc tiền thuê VP Hàm Nghi của NH TMCP các DN ngoài QĐ	10,609,419,500	10,018,083,961
Tổ chức GD và ĐT Apollo	532,000,000	502,348,000
Công ty CP ĐT XD Dân An tiền đặt cọc mua đất	7,653,750,000	8,419,125,000
VinaCapital Fund	-	75,066,641,476
Khoản đặt cọc mua căn hộ chung cư Thảo Điền	16,776,113,480	2,509,706,463
Khoản góp vốn đầu tư xây dựng nhà ở Dự án Bình Trưng Đông của các cá nhân	45,604,905,508	45,297,609,545
Công ty Savills Việt Nam - đặt cọc thuê văn phòng	1,896,228,500	1,790,538,712
Leo Burnett - Đặt cọc thuê văn phòng	1,100,955,000	1,039,591,245
Korea Life Insurance - Đặt cọc thuê văn phòng	2,653,350,000	2,505,460,650
Evergreen Shipping	1,097,250,000	-
Công ty Bảo Hiểm Nhà Rồng	29,187,890,000	-
Công ty Chơn Thành	-	2,142,155,400
Ngân hàng Eximbank	10,811,000,000	1,053,000,000
Công ty CP Hải Việt	-	5,465,114,756
Ngân hàng Việt Á	1,577,000,000	-
Các khoản phải trả khác	9,610,708,156	-
Tổng cộng	203,466,431,997	223,380,638,716

(*): Khoản chi phí giá vốn được tạm tính dựa trên dự toán công trình.

12 Vay và nợ dài hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	USD	VND	USD	VND
NH Ngoại thương VN (1)		348,948,784		1,383,948,784

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

NH Ngoại thương VN (2)	1,980,000,000	-
NH TMCP Hàng Hải (3)	132,489,090,014	158,988,090,014
NH TMCP Hàng Hải (4)	9,621,011,036	9,087,338,500
Tổng cộng	<u>144,439,049,834</u>	<u>169,459,377,298</u>

(1): Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Bến Thành theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 0817/TD9/03CD ngày 29/12/2003 để thanh toán chi phí phục vụ cho việc thi công trụ sở và văn phòng số 28 Phùng Khắc Khoan, Quận I, TP. HCM.

- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn gốc là 1 năm.

- Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Vietcombank từng thời kỳ

- Tài sản bảo đảm vay vốn: Cầm cố quyền khai thác trụ sở và văn phòng số 28 Phùng Khắc Khoan trong vòng 25 năm từ năm 2004 đến 2029.

(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bến Thành theo hợp đồng số 0045/TD9/10CD ngày 27 tháng 01 năm 2010. Mục đích vay: đầu tư xây dựng nhà xưởng kho L2. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay áp dụng dựa căn cứ theo thông báo lãi suất cho vay VND về cho vay trung hạn sản xuất tại ngày nhận nợ sử dụng vốn vay, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương bao gồm: quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số A2 (DC4) diện tích 4.012m², quyền sử dụng đất tại thửa đất số 496, tờ bản đồ số B2 (DC9) diện tích 874m², tài sản gắn liền với đất là toàn bộ nhà xưởng kho L2.

(3): Khoản vay trung hạn của NH TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. HCM theo hợp đồng tín dụng 02/09/FDC-HCM ngày 18 tháng 6 năm 2009 để tài trợ Dự án Fideco Tower

- Thời hạn cho vay: 60 tháng, ân hạn 06 tháng.

- Lãi suất: Bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng một lần tính từ ngày nhận nợ đầu tiên.

- Tài sản bảo đảm vay vốn: thế chấp Quyền sử dụng đất tại 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận 1. Giá trị định giá tài sản là 500.000.000.000VND.

(4) Khoản vay tại ngân hàng TMCP Hàng Hải VN theo Hợp đồng số 02/09/PA-HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2009. Mục đích vay: Đầu tư dự án hệ thống 08 silô đáy phẳng, mới 100%, công suất nạp liệu 120 tấn/giờ. Thời hạn vay: 36 tháng.

Lãi suất vay: Theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được ghi vào từng kế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo: Thế chấp QSD đất và tài sản trên đất tại ấp 1B, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Bình Dương, diện tích đất: 19.964 m², trị giá: 29.000 triệu đồng và tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ hệ thống 08 silô đáy phẳng, trị giá: 18.500 triệu đồng.

13. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối quý	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê văn phòng chưa thực hiện	4,312,697,663	5,577,741,183
Doanh thu cho thuê KCN chưa thực hiện	18,503,407,874	12,520,366,643
Tổng cộng	<u>22,816,105,537</u>	<u>18,098,107,826</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem thuyết minh trang 31

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu: xem thuyết minh trang 32

14.3 Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
+ Vốn góp đầu năm	157,273,080,000	142,976,990,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	157,273,080,000	142,976,990,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

14 Cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành và góp vốn đầy đủ	15,727,308	14,297,699
<i>Cổ phiếu thường</i>	15,727,308	14,297,699
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,727,308	14,297,699
<i>Cổ phiếu thường</i>	15,727,308	14,297,699
Mệnh giá cổ phiếu	10,000	10,000

15 Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp các khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của công ty

Quỹ khen thưởng dùng để: thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên; thưởng đột xuất cho những cá nhân tập thể trong Tập đoàn.

Quỹ phúc lợi dùng để: đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Tập đoàn; chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên, phúc lợi cho xã hội; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành; trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động lâm vào hoàn cảnh khó khăn.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh xuất nhập khẩu	94,049,127,939	6,266,414,212

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	78,805,969,802	68,977,632,694
Doanh thu cho thuê văn phòng	29,333,242,419	21,978,965,837
Doanh thu chuyển nhượng cơ sở hạ tầng	-	32,884,914,376
Doanh thu cho thuê đất	-	-
Doanh thu dịch vụ khác	29,422,500	29,655,000
Tổng doanh thu	202,217,762,660	130,137,582,119

2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu	87,741,396,979	6,093,248,410
Giá vốn hàng hoá và thành phẩm đã bán	68,725,373,757	63,290,876,924
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	1,585,004,825	-
Giá vốn chuyển nhượng cơ sở hạ tầng	-	20,972,892,596
Tổng cộng	158,051,775,561	90,357,017,930

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động đầu tư và kinh doanh CK	120,701,073	609,829,580
Thu lãi tiền gửi	115,785,101	224,401,627
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,355,328,823	818,441,262
Lãi cho vay và thu khác	188,866,649	312,569,982
Tổng cộng	1,780,681,646	1,965,242,451

4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi tiền vay	7,225,235,874	7,887,521,217
Cho thuê văn phòng	-	930,074,385
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	780,504,167
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,410	216,080,833
Chi phí khác	1,300,006,500	20,800,791
Tổng cộng	8,525,245,784	9,834,981,393

5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,562,221,512
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

- Các khoản điều chỉnh giảm	245,620,821
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	24,316,600,691
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,079,150,173
6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	18,528,294,318
Lợi nhuận (hoặc lỗ) phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18,528,294,318
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15,727,308
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,178

7 Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của một (01) cổ phiếu Tập đoàn đến thời điểm 30/09/2010 **17,344 VND/CP**

8 Giải trình sự chênh lệch lợi nhuận quý 3/2010 so với quý 3/2009 : do trong quý 3/2010 Công ty không phát sinh doanh thu chuyển nhượng cơ sở hạ tầng.

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty và các Công ty con vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai
2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ: không phát sinh.
3. Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: xem thuyết minh tại trang 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

Đơn vị tính: VND

4. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Tập đoàn

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
*Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
- Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	46.70	49.50
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	53.30	50.50
- Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62.02	64.78
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37.98	35.22
*Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.61	1.54
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2.45	2.47
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.02	0.04
*Tỷ suất sinh lời		Năm nay	Năm trước
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT	%	12.15	31.77
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	9.14	26.23
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS	%	2.33	4.43
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	6.19	12.67

Kế toán trưởng



NGUYỄN BẰNG NGUYỄN



TP HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám đốc



TS. TRẦN HỮU CHINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

6.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu kỳ	12,012,213,248	7,405,351,487	6,286,635,521	1,741,651,840	27,445,852,096
- Mua trong kỳ	-	30,000,000	59,600,000	-	89,600,000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	22,231,610,628	-	-	-	22,231,610,628
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	327,445,333	460,532,285	96,462,299	884,439,917
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	34,243,823,876	7,107,906,154	5,885,703,236	1,645,189,541	48,882,622,807
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	2,365,249,587	4,915,290,852	3,958,714,662	1,322,842,997	12,562,098,098
- Khấu hao trong kỳ	325,883,232	240,306,820	190,226,913	49,858,541	806,275,506
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	321,633,870	416,165,631	96,462,299	834,261,800
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,691,132,819	4,833,963,802	3,732,775,944	1,276,239,239	12,534,111,804
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu kỳ	9,646,963,661	2,490,060,635	2,327,920,859	418,808,843	14,883,753,998
- Tại ngày cuối kỳ	31,552,691,057	2,273,942,352	2,152,927,292	368,950,302	36,348,511,003

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2010

6.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	26,055,294,000		46,160,000	-	26,101,454,000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất KD *	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	26,055,294,000	-	46,160,000	-	26,101,454,000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-		41,013,324		41,013,324
- Khấu hao trong năm	-	-	1,929,999	-	1,929,999
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	42,943,323	-	42,943,323
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	26,055,294,000	-	5,146,676	-	26,060,440,676
Số dư cuối kỳ	26,055,294,000	-	3,216,677	-	26,058,510,677

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
 VÀ CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 QUÝ 3 NĂM 2010

14.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ	157,273,080,000	73,850,640,000	-	4,212,366,689	6,640,131,235	40,851,323,681
- Tăng vốn trong kỳ						
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	18,528,294,318
- Điều chỉnh tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua lại cổ phiếu trong kỳ	-	-	(2,500,000,000)	-	-	-
- Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	(24,167,487)
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	157,273,080,000	73,850,640,000	(2,500,000,000)	4,212,366,689	6,640,131,235	59,355,450,512

* Số cổ phiếu mua lại trong kỳ là của Công ty Chơn Thành - Công ty con - mua lại để làm cổ phiếu quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
 VÀ CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số ,	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số ,	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà Nước	-	-	-	-	-	-
- Vốn góp (cổ đông khác)	157,273,080,000	157,273,080,000	-	142,976,990,000	142,976,990,000	-
- Thặng dư vốn cổ phần	73,850,640,000	73,850,640,000	-	73,850,640,000	73,850,640,000	-
- Cổ phiếu ngân quỹ	(2,500,000,000)	(2,500,000,000)	-	-	-	-
Tổng Cộng	228,623,720,000	228,623,720,000	-	216,827,630,000	216,827,630,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010

a) Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu	Hoạt động sản xuất lúa mì	Hoạt động cho thuê đất và văn phòng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	94,049,127,939	78,805,969,802	29,333,242,419	-	29,422,500	202,217,762,660
Giá vốn	87,741,396,979	68,725,373,757	1,585,004,825	-	-	158,051,775,561
Lợi nhuận gộp	6,307,730,960	10,080,596,045	27,748,237,594	-	29,422,500	44,165,987,099

Từ 01/07/2009 đến 30/09/2009

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu	Hoạt động sản xuất lúa mì	Hoạt động cho thuê đất và văn phòng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	6,266,414,212	68,977,632,694	21,978,965,837	32,884,914,376	29,655,000	130,137,582,119
Giá vốn	6,093,248,410	63,290,876,924	-	20,972,892,596	-	90,357,017,930
Lợi nhuận gộp	173,165,802	5,686,755,770	21,978,965,837	11,912,021,780	29,655,000	39,780,564,189

b) Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010

Từ 01/07/2009 đến 30/09/2009

Chỉ tiêu	Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010				Từ 01/07/2009 đến 30/09/2009			
	TP HCM	Bình Dương	Bình Phước	Tổng cộng	TP HCM	Bình Dương	Bình Phước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	123,382,370,358	78,835,392,302	-	202,217,762,660	61,130,294,425	69,007,287,694	-	130,137,582,119
Giá vốn	89,326,401,804	68,725,373,757	-	158,051,775,561	27,066,141,006	63,290,876,924	-	90,357,017,930
Lợi nhuận gộp	34,055,968,554	10,110,018,545	-	44,165,987,099	34,064,153,419	5,716,410,770	-	39,780,564,189

